

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2019/HNGĐ-ST
Ngày 01-11-2019
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Mạnh

Bà Bùi Thúy Mở

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 680/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện T, thành phố H; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Khắc B, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện T, thành phố H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/7/2019, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Trần Thị H trình bày:

1. Về hôn nhân:

Bà H và ông Nguyễn Khắc B kết hôn với nhau vào năm 1978 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 24/11/1978 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện

T, thành phố H. Sau khi kết hôn, vợ chồng đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn L, xã P. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, ông B thường hay uống bia rượu, cờ bạc phá tán tài sản gia đình và ngược đãi đánh đập bà. Bà đã ba lần nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án, ông B hứa sẽ sửa chữa nên bà lại rút đơn về đoàn tụ, nhưng ông B không thực hiện lời hứa dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng trầm trọng và không thể hàn gắn. Vợ chồng sống ly thân từ đầu tháng 7 năm 2019 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay bà xác định không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên bà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông B.

Các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Nguyễn Khắc B trình bày: Ông công nhận lời trình bày của bà H về điều kiện, thời gian và nơi đăng ký kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn, bà H về gia đình ông sinh sống tại thôn L, xã P. Quá trình chung sống vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn và chàm cãi cọ lẫn nhau, bà H đã ba lần viết đơn xin ly hôn tại Tòa án rồi lại rút đơn về, đến nay lại làm đơn xin ly hôn với ông. Ông xác định vẫn còn tình cảm và vẫn yêu thương vợ cho nên ông không đồng ý ly hôn. Trường hợp bà H kiên quyết xin ly hôn thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

2. Về con chung:

Bà H trình bày bà và ông B có ba con chung tên là Nguyễn Khắc H sinh ngày 17/10/1982, Nguyễn Thị T sinh ngày 29/10/1984 và Nguyễn Khắc D sinh ngày 01/8/1993. Ba con chung đều đã trưởng thành, khỏe mạnh và lập gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông B công nhận ông và bà H có ba con chung như bà H trình bày là đúng và ông không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn.

3. Về tài sản chung:

Bà H và ông B thống nhất trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng, đương sự chấp hành pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Về hôn

nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị H và ông Nguyễn Khắc B; về con chung: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Khắc B có ba con chung tên là Nguyễn Khắc H sinh ngày 17/10/1982, Nguyễn Thị T sinh ngày 29/10/1984 và Nguyễn Khắc D sinh ngày 01/8/1993 đều đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị H và ông Nguyễn Khắc B đã được xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký ngày 24/11/1978 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, thành phố H). Căn cứ vào lời khai của đương sự và tài liệu điều tra xác minh tại địa phương thể hiện quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên xảy ra cãi vã chửi nhau, bà H đã ba lần nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án rồi lại rút đơn về đoàn tụ, nhưng do mâu thuẫn nên bà H và ông B đã sống ly thân từ đầu tháng 7 năm 2019 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà H yêu cầu ly hôn, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà H được ly hôn ông B.

[3]. Về con chung: Bà H và ông B có ba con chung tên là Nguyễn Khắc H sinh ngày 17/10/1982, Nguyễn Thị T sinh ngày 29/10/1984 và Nguyễn Khắc D sinh ngày 01/8/1993. Ba con đều đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh và đã lập gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Bà H và ông B thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Bà H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Tuy nhiên, bà H là người cao tuổi và có đơn đề nghị được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bà H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị H và ông Nguyễn Khắc B.

2. Về con chung: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Khắc B có ba con chung tên là Nguyễn Khắc H sinh ngày 17/10/1982, Nguyễn Thị T sinh ngày 29/10/1984 và Nguyễn Khắc D sinh ngày 01/8/1993. Ba con đều đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị H và Ông Nguyễn Khắc B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- VKSND huyện T, thành phố H;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã P, huyện T, thành phố H
(Giấy CNKH đăng ký ngày 24/11/1978);
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vân